



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 2089/2025/TN-ETSC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 14/07/2025

Trang/ Page: 1/2

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU THUẬN LỢI - CHI NHÁNH LONG AN	
2. Địa chỉ thử nghiệm: Place of testing:	Lô F8, F9, F10, F11, F12 Đường Hải Sơn - Tân Đô Và Đường Số 5, KCN Tân Đô, Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh.	
3. Đối tượng thử nghiệm: Type of testing:	Cầu chì trung thế bảo vệ (LBFCO) Polymer Fuse Cutout 27kV 100A	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	03 Thiết bị/ Tại trạm biến áp 2500kVA (Trạm 01) 03 Equipments / At the 2500kVA Substation (Station 01)	
5. Phương pháp thử nghiệm: Method of testing:	ETSC/TN/QT-24; 1362/QĐ-EVN; 14/QĐ-HĐTV SPC; TCVN 7999- 1:2009; TCVN 6099-1:2007; Tài liệu kỹ thuật NSX.	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	13/07/2025	
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Kiểu/ Type:	FCO 27kV – 100A
	Số chế tạo/ Serial No:	Không rõ/ NA
	Điện áp định mức/ Rated voltage:	27 (kV)
	Dòng điện định mức/ Rated current:	100 (A)
	Năm sản xuất/ Date of manufacture:	Không rõ/ NA
	Nhà chế tạo/ Manufacture:	TUẤN ÂN
8. Phương tiện thử nghiệm: Testing equipment:	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50; Fluke 287C; Fluke 355.	
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) ° C ; (60 ± 5) % RH	
10. Kết quả thử nghiệm: Testing result:	Xem trang sau See next page	
11. Tem thử nghiệm: Testing stamp no:	Phase A - 1458/25/ETSC Phase B - 1459/25/ETSC Phase C - 1460/25/ETSC	
12. Kết luận: Conclusion:	Các hạng mục thí nghiệm LBFCO nêu trên hoạt động bình thường/ The above LBFCO test items are in normal operation	
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 07/2026 Recommended next testing period:		

Người Thực Hiện
Executor

Nguyễn Đức Tiến Luyện

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Hoàn





STT/ No: 2089/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/07/2025 Trang/ Page: 2/2
----------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition:

Stt No	Đối tượng kiểm tra Check object	Kết quả Result	Đánh giá Evaluate
1	Bề mặt thiết bị/ Equipment surface	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
2	Cấu trúc thiết bị/ Structural member	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
3	Đầu nối thiết bị/ Connection wiring	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
4	Bộ truyền động/ Mechanical structure	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
5	Vệ sinh & bôi trơn/ Clean & lubrication	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass

10.2 Điện trở cách điện/ Insulation Resistance Measurement (M Ω):

Đối tượng đo Testing object	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Giá trị đo (M Ω) Measured value	Tiêu chuẩn (M Ω) Standard value	Đánh giá Remark
Phase A - Case	5.000	≥ 15.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass
Phase B - Case		≥ 15.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass
Phase C - Case		≥ 15.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass

10.3 Thử nghiệm điện áp tăng cao ở điều kiện khô/ High voltage withstand test in dry condition

Đối tượng đo Testing object	Điện áp thử (kVDC)/1 Phút Testing voltage	Kết quả kiểm tra Result testing	Đánh giá Remark
Phase A - Case	60	Không phóng điện/ No discharge inspection	Đạt/ Pass
Phase B - Case	60	Không phóng điện/ No discharge inspection	Đạt/ Pass
Phase C - Case	60	Không phóng điện/ No discharge inspection	Đạt/ Pass

10.4 Thử nghiệm điện áp tăng cao ở điều kiện ướt/ High voltage withstand test in wet conditions

Đối tượng đo Testing object	Điện áp thử (kVDC)/10s Testing voltage	Kết quả kiểm tra Result testing	Đánh giá Remark
Phase A - Case	50	Không phóng điện/ No discharge inspection	Đạt/ Pass
Phase B - Case	50	Không phóng điện/ No discharge inspection	Đạt/ Pass
Phase C - Case	50	Không phóng điện/ No discharge inspection	Đạt/ Pass